

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/01/2023

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nguyễn.

Ông Hoàng Sĩ Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 297/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 372/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 244/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Chu Thị Phương N**, sinh ngày 23/9/1987.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn D, xã D1, huyện G, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Việt A**, sinh ngày 23/11/1986.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn D, xã D1, huyện G, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Malaysia.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Chu Quang T**, sinh năm 1959; bà **Hoàng Thị H**, sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn S, xã G1, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh.

Người được chị N, ông T và bà H ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số nhà 2, khu 1, phường K, thành phố D2, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự vắng mặt và đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Chu Thị Phương N trình bày: Chị và anh Nguyễn Việt A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D1, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 15/7/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, gắn kết với nhau, cứ mỗi lần nói chuyện là lại xảy ra cãi vã bất đồng quan điểm, vợ chồng đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Năm 2019 chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Việt A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Yến N1, sinh ngày 27/12/2015, hiện đang ở với ông bà ngoại là ông Chu Quang T và bà Hoàng Thị H tại thôn S, xã G1, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con tròn 18 tuổi và chị tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Việt A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam chị ủy quyền cho bố mẹ đẻ chị là ông Chu Quang T và bà Hoàng Thị H thay chị chăm sóc con Nguyễn Yến N1 cho đến khi chị về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N hiện đang lao động tại Đài Loan, chị ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H1 thay chị giao nhận tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các tài liệu, ông H1 đã thông báo cho chị biết, chị N vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị N không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Việt A nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh Việt A. Ông Nguyễn Văn Đ (bố đẻ anh Việt A) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh Việt A ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh Việt A vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Việt A biết, anh Việt A trình bày quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, năm 2018 - 2019 anh xuất khẩu lao động tại Malaysia, chị N xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng sống ly thân mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Vợ chồng có 01 con chung như chị N trình bày là đúng, anh nhất trí để chị N nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên và nhất trí việc chị N tự nguyện không yêu cầu anh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị N không có mặt tại Việt Nam anh nhất trí giao con cho ông Chu Quang T và bà Hoàng Thị H chăm sóc con chung cho đến khi chị N về nước. Tài sản chung không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Chu Quang T và bà Hoàng Thị H nhất trí thay chị Chu Thị Phương N chăm sóc cháu Nguyễn Yên N1 cho đến khi chị N về nước và không yêu cầu đòi hỏi về việc cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Yên N1. Đồng thời ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H1 thay ông bà giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án.

Con chung của chị N và anh Việt A là cháu Nguyễn Yên N1 có nguyện vọng được ở với chị N, ông T và bà H.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị N, anh Việt A sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại địa phương, quá trình chung sống vợ chồng đến năm 2017 - 2018 anh Việt A đi lao động tại Malaysia, chị N đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng mỗi người sống một nơi nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Nay chị N có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị Phương N ly hôn anh Nguyễn Việt A. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Yên N1 cho chị Chu Thị Phương N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của chị N tự nguyện không yêu cầu anh Việt A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao con chung Nguyễn Yên N1 cho ông Chu Quang T và bà Hoàng Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị N không có mặt tại Việt Nam. Chị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Chu Thị Phương N và bị đơn anh Nguyễn Việt A có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn D, xã D1, huyện G, tỉnh Hải Dương. Hiện chị N đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan, anh Việt A đang lao động tại Malaysia. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù, chị N không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng chị đã gửi các tài liệu gồm: Đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị vắng mặt và giấy ủy quyền về Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này đã được Văn phòng Kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản mà chị N gửi về đúng là ý chí, nguyện vọng của chị, quan điểm xin ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Việt A. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Việt A cung cấp địa chỉ

nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Đức là bố đẻ anh Việt A để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị N và anh Việt A đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông Đức thường xuyên liên lạc với anh Việt A và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị N và anh Việt A. Tại phiên tòa, chị N, ông T và bà H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh Việt A có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Phương N và anh Nguyễn Việt A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D1, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 15/7/2010 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Năm 2018 anh Việt A xuất khẩu lao động tại Malaysia, năm 2019 chị N xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Việt A. Thông qua gia đình anh Việt A cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh Việt A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Chu Thị Phương N và anh Nguyễn Việt A có 01 con chung là Nguyễn Yến N1, sinh ngày 27/12/2015, hiện con đang ở với ông Chu Quang T và bà Hoàng Thị H. Chị N và anh Việt A cùng thống nhất chị N có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Yến N1 cho đến khi con thành niên. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh Việt A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Con chung Nguyễn Yến N1 có nguyện vọng được ở với chị N, ông T và bà H. Chị N ủy quyền cho ông Chu Quang T và bà Hoàng Thị H chăm sóc con chung cho đến khi chị về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị. Tạm giao cháu Nguyễn Yến N1 cho ông Chu Quang T và bà Hoàng Thị H nuôi dưỡng trong thời gian chị N không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh Việt A xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Chu Thị Phương N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị Phương N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị Phương N ly hôn anh Nguyễn Việt A.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Chu Thị Phương N được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Yến N1, sinh ngày 27/12/2015 kể từ khi ly hôn cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N tạm thời không yêu cầu anh Việt A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao con chung Nguyễn Việt A cho ông Chu Quang T và bà Hoàng Thị H nuôi dưỡng trong thời gian chị N không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Chu Thị Phương N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001719 ngày 21/10/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do ông Nguyễn Thanh H1 nộp thay). Chị N đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Chu Quang T và bà Hoàng Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Chu Thị Phương N và anh Nguyễn Việt A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã D1, huyện G, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường
(Đã ký)